

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 07-8-2020
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Yến P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp BC, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Thái Đình M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xã ST, huyện HS, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Khu F, phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2019 nguyên đơn bà Phan Thị Yến P trình bày:

Bà Phan Thị Yến P và ông Thái Đình M là vợ chồng, kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2017 ngày 08/02/2017. Quá trình chung sống, bà P và ông M có con chung là cháu Thái Phan Diễm M1, sinh ngày 19/5/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến giữa năm 2017 sau khi bà P sinh con thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, ông M dùng

những lời lẽ nặng nề để xúc phạm bà P. Kể từ gần cuối năm 2017, bà P và ông M đã không còn sống chung với nhau, bà P về nhà mẹ ruột tại xã AL, huyện LT, tỉnh Đồng Nai sinh sống còn ông M sống tại phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Thái Đình M. Sau khi ly hôn thì bà P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Thái Đình M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Thái Đình M không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu ly hôn, nuôi con theo yêu cầu của bà P. Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông M cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 20/5/2020, nguyên đơn bà Phan Thị Yến P có đơn xin giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Phan Thị Yến P khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn Thái Đình M. Bị đơn ông Thái Đình M có đăng ký tạm trú tại địa chỉ Khu F, phường ĐH, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Căn cứ theo quy định pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Thái Đình M theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Thái Đình M vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn bà Phan Thị Yến P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228, Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các vấn đề có tranh chấp: Bà Phan Thị Yến P và ông Thái Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2017 ngày 08/02/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa

hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà P yêu cầu được ly hôn với ông M vì cho rằng trong quá trình chung sống thì thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông M không còn tin tưởng, tôn trọng bà P, có nhiều lời lẽ và hành vi xúc phạm bà P nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Bà P và ông M đã không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, vợ chồng đã không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu và vợ chồng bà P, ông M không có ý nguyện hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn của bà P là có cơ sở. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến, cũng như nguyện vọng muốn hàn gắn tình cảm gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị Yến P và ông Thái Đình M có con chung là cháu Thái Phan Diễm M1, sinh ngày 19/5/2017 hiện đang sống cùng bà P, xét thấy cháu M1 là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà P là có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Yến P đối với bị đơn ông Thái Đình M. Xét, lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị Yến P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 228, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Yến P đối với ông Thái Đình M về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Yến P được ly hôn đối với ông Thái Đình M.

- Về con chung: Bà Phan Thị Yến P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái Phan Diễm M1, sinh ngày 19/5/2017.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Ông Thái Đình M có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Yến P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041293 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. M;
- CCTHADS Tp. M;
- UBND xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khương Minh Trí